GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
Thang Long Power Plant Joint Stock Company

BM02-QTMH-TLP

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ PUCHASE REQUISITION

Số: DN2000830

Ngày 24 tháng 11 năm 2020

Tên phòng ban: Department: Phòng an toàn	Người đề nghị: Proposer: Vũ Đức Anh	Ngày đề nghị: Request Date: 24/11/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 24/11/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung supplements ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Type	Theo kế hoạch đã duyệt: Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / inccured out of plan ☐

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
1	1201.02.1492	Phân vi sinh hữu cơ / Compost	25Kg	Kg	Bón phân cho cây trồng trong nhà máy	44 000.00	44 000.00	0.00	0.00	44 000.00	
Cộng/ ToTal						**44 000.00**	**44 000.00**	**0.00**		**44 000.00**	

B.GDSX/ Board of Production Managers	Phòng QLK/ Warehouse Department		Bộ phận đề nghị/ Proposed Department	
	Trưởng phòng/Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Manager	Người đề nghị/ Proposer

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
Thang Long Power Plant Joint Stock Company

BM02-QTMH-TLP

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ PUCHASE REQUISITION

Số: DN2000895

Ngày 16 tháng 12 năm 2020

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường Proposer:	Ngày đề nghị: 16/12/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 16/01/2021 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐ supplements	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Type	Theo kế hoạch đã duyệt: ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ inccured out of plan

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
1	1201.02.0447	Dầu thủy lực / Hydraulic oil	X32	L	Khớp nối thủy lực quạt khói lò 1, lò 2	2 090.00	0.00	2 090.00	418.00	2 090.00	
2	1201.02.0171	Mỡ bôi trơn / Grease	Castrol Spheerol EPL2	Kg	Bảo dưỡng thiết bị quay dùng chung	540.00	0.00	540.00	360.00	540.00	
3	1401.02.0721	Tết chì / Packing gland	Graphite ring gasket Ø30xØ19x5, Tmax:550 C, Pmax: 20Mpa.	Cái/Pcs	Van lấy mẫu bao hơi	50.00	0.00	50.00	0.00	50.00	
4	1401.02.0722	Tết chì / Packing gland	Graphite ring gasket Ø29xØ19x5, Tmax:550 C, Pmax: 20Mpa.	Cái/Pcs	Van lấy mẫu bao hơi	40.00	0.00	40.00	0.00	40.00	
5	1401.02.0723	Cao su giảm chấn hoa thị / Rubber coupling spider	GR-42 ; 46x95x20 mm (8 cánh)	Cái/Pcs	Giảm chấn khớp nối động cơ	6.00	0.00	6.00	0.00	6.00	
6	1401.02.0724	Cao su giảm chấn hoa thị / Rubber coupling spider	GR-48 ; 51x105x21 mm (8 cánh)	Cái/Pcs	Giảm chấn khớp nối động cơ	4.00	0.00	4.00	0.00	4.00	
7	0201.01.0027	Phớt chắn mỡ / Grease seal	140x175x15	Cái/Pcs	Máy cấp than	6.00	0.00	6.00	2.00	6.00	
8	0201.02.0002	Phớt chặn dầu / Oil Seal	Ø50xØ65x8mm	Cái/Pcs	Máy cấp than	10.00	0.00	10.00	0.00	10.00	
9	0202.02.0037	Phớt chặn dầu / Oil Seal	PD105x80x12	Cái/Pcs	Gầu vận thăng	8.00	0.00	8.00	2.00	8.00	
10	0202.02.0038	Phớt chặn dầu / Oil Seal	PD110x85x12	Cái/Pcs	Gầu vận thăng	6.00	0.00	6.00	4.00	6.00	
11	1201.02.0766	Phớt chắn dầu / Oil Seal	55x40x7 mm	Cái/Pcs	Máy cấp than	10.00	0.00	10.00	0.00	10.00	

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
12	1201.02.0767	Phớt chắn dầu / Oil Seal	72x55x8 mm	Cái/Pcs	Máy cấp than	20.00	0.00	20.00	0.00	20.00	
13	0201.02.0020	Phớt chắn mỡ / Grease seal	65x85x10 mm	Cái/Pcs	Máy cấp than	10.00	0.00	10.00	8.00	10.00	
14	1201.02.1076	Phớt chặn dầu / Oil Seal	TC 55x75x12 mm	Cái/Pcs	Máy cấp than	10.00	0.00	10.00	0.00	10.00	
15	1401.02.0306	Phớt chặn mỡ / Grease Seal	WA 65x100x10mm NBR	Cái/Pcs	Băng ngang thải xỉ	10.00	0.00	10.00	0.00	10.00	
16	1201.02.1215	Phớt chặn mỡ / Grease Seal	AS 85x105x10mm	Cái/Pcs	Máy cấp than	10.00	0.00	10.00	0.00	10.00	
17	0202.01.0083	Gioăng cao su (Dump valve) / Rubber Oring	In flatable seal, Rubber Vitton DN170, T: 200C, P:10Bar	Cái/Pcs	Van chuyển đổi silo tro bay	10.00	0.00	10.00	0.00	10.00	
Cộng/ ToTal						**2 840.00**	**0.00**	**2 840.00**		**2 840.00**	

B.GDSX/ Board of Production Managers	Phòng QLK/ Warehouse Department		Bộ phận đề nghị/ Proposed Department	
	Trưởng phòng/Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Manager	Người đề nghị/ Proposer

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
Thang Long Power Plant Joint Stock Company

BM02-QTMH-TLP

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ PUCHASE REQUISITION

Số: DN2000917

Ngày 25 tháng 12 năm 2020

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Mai Quý Ngữ Proposer:	Ngày đề nghị: 25/12/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 28/02/2021 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐ supplements	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Type	Theo kế hoạch đã duyệt: ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ inccured out of plan

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
1	0502.01.0005	Vòng bi / Bearing	6310 2Z/C3	Cái/Pcs	Thay vòng bi bơm nước trong	12.00	3.00	9.00	0.00	12.00	Yêu cầu mua sớm để hoàn thiện việc sửa chữa.
2	0604.01.0016	Vách nghiền than / Coal crusher wall	H04-4	Cái/Pcs	Thay vách nghiền than theo kế hoạch 2021	2.00	0.00	2.00	6.00	2.00	
Cộng/ ToTal						**14.00**	**3.00**	**11.00**		**14.00**	

B.GDSX/ Board of Production Managers	Phòng QLK/ Warehouse Department		Bộ phận đề nghị/ Proposed Department	
	Trưởng phòng/Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Manager	Người đề nghị/ Proposer

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG
Thang Long Power Plant Joint Stock Company

BM02-QTMH-TLP

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ PUCHASE REQUISITION

Số: DN2100002

Ngày 30 tháng 1 năm 2021

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Proposer: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: Request Date: 30/01/2021	Ngày cần hàng: Receive date: 30/12/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung supplements ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Type	Theo kế hoạch đã duyệt: Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / inccured out of plan ☐

STT/ No.	Mã vật tư/ Item code	Tên vật tư/ Item	Quy cách/ Specification	Đơn vị tính / Unit	Vị trí, mục đích sử dụng Location/ Usage Purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ inventory	Duyệt mua/ approval	Ghi chú/ Note
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay / Quantity for instant use	Dự phòng/ Quantity for backup			
1	1101.01.1283	Palang điện / Electric hoist	5 Tone ; Working grade M3; Lifting height 60m; Lifting speed 8m/min	Cái/Pcs	Thay palang điện đỉnh lò 2	1.00	1.00	0.00	0.00	1.00	Yêu cầu đơn vị cung cấp palang lắp đặt hoàn thiện tại hiện trường
Cộng/ ToTal						**1.00**	**1.00**	**0.00**		**1.00**	

B.GDSX/ Board of Production Managers	Phòng QLK/ Warehouse Department		Bộ phận đề nghị/ Proposed Department	
	Trưởng phòng/Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Manager	Người đề nghị/ Proposer